

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T1
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30/6/2021
(V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa
chị M và anh L)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH THÁI BÌNH

- TH1nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Mã Siêu.
2. Bà Phan Thị Hạnh Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021, Thông báo thay đổi Hội thẩm nhân dân tham gia phiên tòa số 01/2021/TB-TA ngày 21/6/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị M, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn AT, xã LL, huyện K, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh Phạm Trung L, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn HĐ, xã VL, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lương Thị M trình bày:

Chị và anh Phạm Trung L tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày ngày 11/01/2003 tại UBND xã VL, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình nhà chồng ở xã VL. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng khác biệt về quan điểm sống, nghi ngờ lẫn nhau, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay xét thấy tình cảm không còn, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh L.

Về con chung, theo chị M, chị và anh L có 04 con chung là Phạm Thị MP, sinh ngày 16/7/2003; Phạm Phương H1, sinh ngày 08/02/2010; Phạm TH, sinh ngày 12/10/2014 và Phạm NV, sinh ngày 09/9/2016. Ly hôn nguyên vọng của chị về con chung là được nuôi 02 con chung là Phạm TH và Phạm Phương H1 (hai cháu H1, Hải có nguyên vọng được ở với chị M); giao cho anh L nuôi 02 con chung là Phạm Thị MP và Phạm NV; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/3/2021, bị đơn là anh Phạm Trung L trình bày:

Anh và chị Lương Thị M, sinh năm 1982, có địa chỉ tại thôn AT, xã LL, huyện K, tỉnh Thái Bình tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 11/01/2003 tại UBND xã VL, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, sống với nhau đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân từ tháng 11 năm 2020 đến nay. Nay chị M có đơn xin ly hôn, quan điểm của anh là không đồng ý vì anh còn tình cảm với chị M và các con còn nhỏ nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung, theo anh L, quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 04 con chung là Phạm Thị MP, sinh ngày 16/7/2003; Phạm Phương H1, sinh ngày 08/02/2010; Phạm TH, sinh ngày 12/10/2014 và Phạm NV, sinh ngày 09/9/2016. Nếu việc ly hôn được đặt ra giải quyết, anh có nguyên vọng nuôi hai con Phạm Thị MP và Phạm NV.

Về tài sản chung, nợ chung, vì anh không đồng ý ly hôn nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản công khai chứng cứ và hòa giải ngày 10/5/2021 xác định:

Chị Lương Thị M yêu cầu ly hôn; có nguyên vọng nuôi hai con là 02 con chung là Phạm TH và Phạm NV; giao cho anh L nuôi 02 con chung là Phạm Thị MP và Phạm Phương H1; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau; không yêu cầu giải quyết về quan hệ tài sản.

Anh L có đến Tòa án làm việc, anh có đơn trình bày không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án tổ chức hòa giải vào dịp khác.

Tại biên bản hòa giải (lần 2) ngày 21/5/2021 xác định:

Chị Lương Thị M yêu cầu ly hôn; có nguyên vọng nuôi hai con là 02 con chung là Phạm TH và Phạm Phương H1 (hai cháu H1, TH có nguyên vọng được ở với chị M); giao cho anh L nuôi 02 con chung là Phạm Thị MP và Phạm NV; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau; chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Anh L nhất trí với lời trình bày của chị Lương Thị M về thời gian chung sống kết hôn. Quá trình chung sống và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là đúng. Tuy nhiên, theo anh xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị M không căng thẳng, tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên anh không đồng ý ly hôn.

Theo anh L, anh và chị M có 04 con chung là Phạm Thị MP, sinh ngày 16/7/2003; Phạm Phương H1, sinh ngày 08/02/2010; Phạm TH, sinh ngày 12/10/2014 và Phạm NV, sinh ngày 09/9/2016. Anh không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến. Tuy nhiên, nếu chị M kiên quyết ly hôn thì nguyên vọng của anh về con chung là được nuôi 02 con chung là Phạm Thị MP và Phạm NV; giao cho

chị M nuôi hai con Phạm TH và Phạm Phương H1 (hai cháu H1, TH có nguyện vọng được ở với chị M); hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Lương Thị M vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Trung L. Về con chung chị M đề nghị được nuôi hai con Phạm TH và Phạm Phương H1; giao cho anh L được nuôi hai con Phạm Thị MP và Phạm NV; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Về tài sản chung, nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác cho anh L, tuy nhiên cả hai lần Tòa án mở phiên tòa, anh L đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả giải quyết tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả giải quyết tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Phạm Trung L có địa chỉ tại thôn HĐ, xã VL, huyện T1; do vậy Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình thụ lý giải quyết vụ kiện về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn là chị Lương Thị M có mặt, bị đơn là anh Phạm Trung L vắng mặt lần thứ hai không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị M và anh Phạm Trung L kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ yêu cầu giải quyết ly hôn của chị M cung cấp phù hợp với các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án nên xác định: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình nhà chồng ở xã VL. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng khác biệt về quan điểm sống, nghi ngờ lẫn nhau, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh chị sống ly thân từ tháng 11 năm 2020 đến nay. Chị M đã chuyển về ở nhà ngoại tại thôn AT, xã LL, huyện K, tỉnh Thái Bình. Nay chị M có đơn xin ly hôn, anh L không đồng ý, anh cho rằng vẫn còn tình cảm với chị M và vì các con còn nhỏ. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, thời gian ly thân, anh L không đi tìm chị M về chung sống, anh cũng không đưa ra được phương án để vợ chồng trở về đoàn tụ, chung sống hạnh phúc, chị M kiên quyết ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Lương Thị M được ly hôn anh Phạm Trung L.

[3] Về con chung: Chị M và anh L có 04 con chung là Phạm Thị MP, sinh ngày 16/7/2003; Phạm Phương H1, sinh ngày 08/02/2010; Phạm TH, sinh ngày 12/10/2014 và Phạm NV, sinh ngày 09/9/2016. Hiện nay, cả bốn con chung đang ở cùng anh L. Anh L không đồng ý ly hôn, tuy nhiên, nếu chị M kiên quyết ly hôn thì nguyện vọng của anh về con chung là được nuôi 02 con chung là Phạm Thị MP và Phạm NV; giao cho chị M nuôi hai con Phạm TH và Phạm Phương H1 (hai cháu H1, TH có nguyện vọng được ở với chị M); hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, cả anh L và chị M không thể chăm sóc nuôi dưỡng được cả 04 con chung, vì vậy cần chấp nhận đề nghị của anh chị, giao cho chị M nuôi hai con Phạm TH và Phạm Phương H1; giao cho anh L nuôi 02 con chung là Phạm Thị MP và Phạm NV; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau; anh L, chị M có quyền chăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, việc thay đổi người nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung được đặt ra giải quyết khi các bên có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lương Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội **về án phí và lệ phí tòa án**:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Lương Thị M được ly hôn anh Phạm Trung L.

2. Về con chung:

Giao cho chị Lương Thị M được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Phạm Phương H1, sinh ngày 08/02/2010 và Phạm TH, sinh ngày 12/10/2014. Giao cho anh Phạm Trung L được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Phạm Thị MP, sinh ngày 16/7/2003 và Phạm NV, sinh ngày 09/9/2016. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Anh L, chị M có quyền chăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở; việc thay đổi người nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung được đặt ra giải quyết khi các bên có yêu cầu.

3. Về tài sản chung:

Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí:

Nguyên đơn là chị Lương Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn chị M đã nộp theo Biên lai số 0002071 ngày 24/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh Thái Bình, chị Lương Thị M đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 30/6/2021; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- UBND xã VL, huyện T1;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền